TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 5 - 2022
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Lin.

Ông Nguyễn Văn Ghên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị D, sinh năm 1975. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An

Bị đơn: Ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1973. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 28 tháng 3 năm 2022 và những lời khai tiếp theo trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Hà Thị D trình bày: Bà và ông Nguyễn Phi H chung sống với nhau vào năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Ông bà đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Phi H.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Phúc H, sinh ngày 21/11/1995 và Nguyễn Trọng N, sinh năm 22/8/1997, các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 13/5/2022, bà Hà Thị D có đơn xin được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án do bận đi làm, không có điều kiện tham gia phiên tòa.

Sau khi thụ lý vụ án, bà D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng ông H không có văn bản phản hồi ý kiến và có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Hà Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Phi H, ông Nguyễn Phi H hiện có hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Long An và có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hà Thị D và bị đơn ông Nguyễn Phi H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị D và ông Nguyễn Phi H chung sống với nhau vào năm 1994 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của bà Hà Thị D và ông Nguyễn Phi H không được xem là hôn nhân hợp pháp, đã vi phạm vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Trong quá trình chung sống, bà D và ông Nguyễn Phi H phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Bà Hà Thị D và ông Nguyễn Phi H đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Đối với ông H, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của bà D nhưng ông H không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà D. Tại phiên tòa, ông H vẫn vắng mặt, chứng tỏ không có thiện chí để hàn gắn trong khi thời gian ly thân đã lâu. Do bà Hà Thị D và ông

Nguyễn Phi H chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận bà Hà Thị D và ông Nguyễn Phi H là vợ chồng.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng: bà Hà Thị D và ông Nguyễn Phi H có 02 con chung tên Nguyễn Phúc H, sinh ngày 21/11/1995 và Nguyễn Trọng N, sinh năm 22/8/1997, các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Bà Hà Thị D trình bày không có; ông Nguyễn Phi H không có ý kiến phản hồi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Bà Hà Thị D trình bày không có; ông Nguyễn Phi H không có ý kiến phản hồi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Bà Hà Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273, 483, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận bà Hà Thị D và ông Nguyễn Phi H là vợ chồng.

Về con chung: bà Hà Thị D và ông Nguyễn Phi H có 02 con chung tên Nguyễn Phúc H, sinh ngày 21/11/1995 và Nguyễn Trọng N, sinh năm 22/8/1997, các con chung đã trưởng thành, nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Hà Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0010033 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Thị Kim Thảnh